

Bản án số: 131/2022/HS-PT
Ngày 16-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh PH1

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuyền
Bà Trần Thị Vân Thuý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hán – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 112/2022/TLPT-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo: Nguyễn Văn S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2022/HS-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn S, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1993 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn CL, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 04/4/2022 đến ngày 13/4/2022 chuyên tạm giam; có mặt.

- Ngoài ra còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 03/4/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện TN kết hợp với Công an xã KB, huyện TN làm nhiệm vụ tại khu vực thôn 2, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng phát hiện tại phòng hát số 01 của quán Karaoke Mcó các đối tượng đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Nguyễn Đức T, Lâm Công T1, Nguyễn Văn S, Lâm Công K (sinh năm 1995, trú tại thôn Gia Bình, xã Gio An, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị); Vũ Văn M1 (sinh năm 1984, trú tại thôn 9, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng); Ta Ly Ma T2 (sinh năm 2001); Lò Thị Đến, sinh ngày 25/12/2005 (16 tuổi 03 tháng 09 ngày), đều trú tại thôn 2, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Hoàng Như Bích N1, sinh ngày 09/12/2005 (16 tuổi 03 tháng 25 ngày); La Thị A1, sinh năm 1996, đều trú tại xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Quá trình bắt giữ còn có Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1991, trú tại xã Thủy Đường, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Bùi Nguyễn Việt Anh, sinh năm 2004, trú tại xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Phạm Nho D, sinh năm 2006; Phạm Khắc V, sinh năm 2004 và Phạm Thị H1, đều trú tại xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng là quản lý và nhân viên của quán.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đĩa sứ màu trắng kích thước (15 x 15)cm, trong lòng đĩa có chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là chất ma túy) được thu gom vào 01 túi nilon kích thước (05 x 10)cm; 01 thẻ ATM mang tên NGUYEN VAN SON và 01 tẩu cuốn bằng tờ tiền 10.000 đồng có định bằng 02 vỏ đầu lọc thuốc lá đều bám dính tinh thể màu trắng (nghĩ là chất ma túy); tại gầm ghế đối diện màn hình có 01 vỏ túi nilon kích thước (02 x 02) cm bám dính tinh thể màu trắng (nghĩ là chất ma túy); tại chân bàn phía trong nhìn từ cửa phòng vào có 01 mảnh viên nén màu cam (nghĩ là chất ma túy); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0906.628.998 của Nguyễn Đức T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0935.583.227 của Lâm Công T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0981.304.953 của Nguyễn Văn S. Tổ công tác đã đưa các đối tượng trên cùng vật chứng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã KB lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Khám xét khẩn cấp quán Karaoke Tam Giác Vàng, nơi ở và khu vực có liên quan của Nguyễn Văn S không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tiến hành xét nghiệm thành phần nước tiểu của các đối tượng, cho kết quả: Nguyễn Đức T, Lâm Công T1, Nguyễn Văn S, Vũ Văn M1, Lâm Công K, Lò Thị Đến dương tính với ma túy MDMA và Ketamine; Ta Ly Ma T2 và Hoàng Như Bích N1 dương tính với ma túy Ketamine; La Thị A1, Nguyễn Văn Hùng, Bùi Nguyễn Việt Anh, Phạm Khắc V, Phạm Nho D và Phạm Thị H1 đều âm tính với các chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 134/KL-KTHS(MT) ngày 08/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng trong lòng đĩa sứ có khối lượng 0,03 gam là ma túy, loại Ketamine; 01 mảnh viên nén màu

cam có khối lượng 0,23 gam là ma túy, loại MDMA; tinh thể bám dính trên thẻ ATM, tàu cuốn, vỏ túi nilon là ma túy loại Ketamine không đủ điều kiện để xác định khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 218/KL-KTHS(KTS) ngày 10/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Khôi phục, trích xuất dữ liệu trong điện thoại của Lâm Công T1, tìm thấy: 01 cuộc hội thoại bằng ứng dụng Zalo giữa tài khoản “MrT1” và “Tobecontinued” (trong danh bạ Zalo lưu là “S DQ”) được lưu trong máy. Nội dung chi tiết cuộc hội thoại được thể hiện tại thư mục có tên “A1” lưu trong đĩa CD kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu được lưu trong sim.

- Khôi phục, trích xuất dữ liệu trong điện thoại của Nguyễn Văn S, tìm thấy: 02 cuộc hội thoại bằng ứng dụng Messenger trong đó có tài khoản “Anh S Melody” và “Toàn Đào” được lưu trong máy. Nội dung chi tiết các cuộc hội thoại được thể hiện tại thư mục có tên “A2” được lưu trong đĩa CD kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu trong sim.

Tại Cơ quan điều tra: Nguyễn Đức T, Lâm Công T1 và Nguyễn Văn S khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 03/4/2022, trong lúc ăn uống tại phòng trọ của Lâm Công T1 ở thôn 9, xã TH, huyện TN, thành phố Hải Phòng, T rủ T1, M1, K sau khi ăn uống xong sẽ đi hát karaoke thì cả nhóm đồng ý. Sau đó cả nhóm đi taxi đến một quán karaoke ở xã Quảng Thanh, huyện TN, thành phố Hải Phòng để hát. Trong lúc hát, T nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng. Do âm thanh chất lượng quán hát không tốt nên T đã bàn bạc với T1 việc mua ma túy về và chuyển tới quán karaoke M để sử dụng, T1 đồng ý. Do biết S có thể mua được ma túy nên T1 bảo T liên lạc với S đề nhờ S mua giúp ma túy. T1 gọi điện thoại cho S và đưa máy cho T nói chuyện đề nhờ S mua ma túy. T bảo S mua hộ 04 viên ma túy thuốc lắc và 02 gam ma túy Ketamine mang tới quán karaoke M để cùng sử dụng, S đồng ý. S gọi điện thoại cho Đào M1 Toàn (sinh năm 1993 ở thôn 4, xã Thủy S, huyện TN, thành phố Hải Phòng) để mua ma túy. Toàn báo giá 04 viên thuốc lắc, 02 gam ma túy là 4.400.000 đồng và số tài khoản của Toàn để S trả tiền mua ma túy. S nhắn tin qua Zalo báo lại T giá tiền và số tài khoản của Toàn để T chuyển tiền cho Toàn. Sau khi thống nhất với S và chuyển tiền mua ma túy xong, T quay lại phòng hát và thông báo lại cho T1 là lấy được “đồ” rồi, đến 21 giờ 30 phút S mang đến quán Karaoke Tam Giác Vàng. Cả nhóm của T bắt taxi đến quán Tam Giác Vàng, trên đường đi T và T1 không nói việc sẽ sử dụng ma túy cho K và M1 biết. Cả nhóm đến quán Karaoke Tam Giác Vàng, T gặp lễ tân là Phạm Thị H1 để đặt phòng hát và 03 nhân viên nữ phục vụ. H1 gọi Nguyễn Văn Hùng để Hùng dẫn nhóm của T vào phòng hát số 01 và cho 03 nhân viên nữ là Lù Thị Đến, Hoàng Như Bích N1 và Ta Ly Ma T2 vào phục vụ. Vào phòng hát, trong lúc hát và đợi S mang ma túy đến, T xin của K được 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng và lấy 02 đầu lọc thuốc lá để cuộn có định thành tàu và tiếp tục gọi nhân viên của quán là Bùi Nguyễn Việt Anh để mượn được 01 chiếc đĩa sứ, khi mượn T đều không nói lấy tiền và đĩa sứ để làm gì.

Sau khi T chuyển tiền cho Toàn thì Toàn nhắn tin trên Messenger bảo S sang khu vực đường Dư Hàng, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và liên lạc với số điện thoại “0904.105.024” để lấy ma túy. S thuê xe ôm đến địa chỉ trên và liên lạc gặp được một người đàn ông không quen biết đưa cho 01 túi nilon chứa 04 viên thuốc lắc màu cam và 02 túi nilon chứa ma túy Ketamine, sau đó S cất giấu vào người và đi về. Trên đường về T dùng điện thoại của T1 liên lạc với S và bảo đến phòng hát số 01 của quán Karaoke Tam Giác Vàng.

Khi S đến quán Karaoke Tam Giác Vàng, T1 ra đón S vào phòng hát số 01. Tại phòng hát, S đưa toàn bộ số ma túy mua được cho T. T lấy ma túy thuốc lắc ra tự sử dụng 01 viên, T phát cho S và T1 mỗi người 01 viên, phát cho K nửa viên để S, T1 và K tự sử dụng. Còn nửa viên do M1 say rượu nằm trên ghế nên T đã nhét vào miệng M1 để M1 sử dụng, M1 ngậm một lúc thấy đắng nên nhổ mảnh ma túy đó xuống nền nhà. T đưa cho S 01 túi ma túy Ketamine và 01 tàu tự cuốn bảo S đảo, xào, kẻ ma túy, còn 01 túi ma túy thì T cất giấu vào khe cửa ra vào của phòng hát. S thấy trên bàn có sẵn đĩa nên đổ ma túy vào đĩa, lấy thẻ ATM của S ra để đảo, xào, kẻ ma túy thành nhiều đường rồi đưa lại cho T. T cầm đĩa ma túy và tàu mời tất cả mọi người trong phòng hát sử dụng. Quá trình sử dụng ma túy, S sử dụng xong mời T2 sử dụng; T, K mỗi người sử dụng 02 đường; S, T1, M1, T2, Đến mỗi người sử dụng 02 đường. Sau đó có La Thị A1 vào phòng hát nhưng không sử dụng ma túy. Sau khi hết ma túy trong đĩa, S hỏi T và lấy túi ma túy còn lại T giấu ở cánh cửa đổ ra đĩa, tiếp tục đảo xào kẻ để cho mọi người sử dụng. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện thu giữ cùng vật chứng như trên.

Các đối tượng Vũ Văn M1, Lâm Công K, Ta Ly Ma T2, Lù Thị Đến, Hoàng Như Bích N1 và La Thị A1 đều khai nhận phù hợp nội dung nêu trên. Ngoài ra, Đến khai nhận việc Đến dương tính với ma túy MDMA là do trước đó Đến có sử dụng ma túy thuốc lắc ở bên tỉnh Hải Dương.

Nguyễn Văn Hùng, Bùi Nguyễn Việt Anh, Phạm Nho D, Phạm Khắc V và Phạm Thị H1 là quản lý và nhân viên của quán đều khai: Không biết và không tham gia vào việc sử dụng ma túy cùng nhóm của T.

Bản Cáo trạng số 89/CT-VKSTN ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn S và Lâm Công T1 đồng phạm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 89/2022/HS-ST, ngày 20/9/2022, Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 09 (Chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 04/4/2022.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo S thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo về tội Tổ chức sử dụng tái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tại phiên tòa sơ thẩm, không có tình tiết mới áp dụng đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 332, 333 và 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm số 89/2022/HS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TN đã tuyên bị cáo phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Đức T, bị cáo Lâm Công T1; lời khai của người chứng kiến; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 03/4/2022 về thời gian, địa điểm phạm tội cùng như các tình tiết khác của vụ án. Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bằng Bản Kết luận giám định số 134/KL-KTHS(MT) ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng; Biên bản xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu (kết quả dương tính) và Bản Kết luận giám định số 218/KL-KTHS(KTS) ngày 10/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và tang vật đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo S tiếp nhận ý chí của bị cáo T có hành vi mua ma túy giúp bị cáo T; trực tiếp dùng thẻ

ATM mang tên mình đảo, kẻ ma túy sử dụng và mời T2 sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo đã đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng bị cáo T và bị cáo T1. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, làm trầm trọng thêm tệ nạn ma túy mà Đảng, Nhà nước và toàn dân đang cố gắng xóa bỏ; ảnh hưởng đến kinh tế, hạnh phúc gia đình, đạo đức xã hội; là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác nên cần phải xử lý thỏa đáng. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết tội bị cáo về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; đánh giá vai trò, mức độ phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ hình sự đối với bị cáo để áp dụng mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm – điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

[3] Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, công việc không ổn định, không có tài sản riêng nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng: Chất ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định được niêm phong trong bì giấy số 134MT/PC09, 01 túi nilon, 01 thẻ ATM mang tên NGUYEN VAN SON, 01 đĩa sứ, 02 đầu vỏ lọc thuốc lá được xác định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và là công cụ pH1 tiện thực hiện tội phạm nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với 03 chiếc điện thoại của bị cáo T, T1 và S pH1 tiện thực hiện tội phạm nên cần tịch thu, phát mại, nộp ngân sách nhà nước; sung quỹ nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng - Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Trong vụ án này, bị cáo S khai thông qua Đào M1 Toàn để mua, lấy ma túy từ 01 người nam giới ở nội thành Hải Phòng. Quá trình điều tra, Toàn vắng mặt tại địa pH1; chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng đưa ma túy cho S. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại không đủ căn cứ để xử lý nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ, xử lý sau. Lâm Công Khanh, Vũ Văn M1, Lù Thị Đến, Hoàng Như Bích N1, Ta Ly Ma T2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện TN đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với Lâm Công Khanh có hành vi đưa cho Nguyễn Đức Toàn tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng; Bùi Nguyễn Việt Anh có hành vi lấy đĩa sứ mang vào phòng hát số 01 cho Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, K và Việt Anh không biết T dùng để sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý. Nguyễn Văn Hùng là quản lý của quán Mnhưng không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy ở phòng hát số 01 của quán nên Cơ quan điều tra không xử lý. Nguyễn Thế Lực là chủ quán, đại diện theo pháp luật của quán Mnhưng không quản lý hoạt

động kinh doanh chặt chẽ để xảy ra việc sử dụng trái phép chất ma túy trong quán nên Ủy ban nhân dân huyện TN đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật – Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 09 (Chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ – ngày 04/4/2022.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu huỷ 01 phong bì giấy có niêm phong số 134MT/PC09 chứa chất ma túy và vỏ bao bì còn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong số 134MT/PC09 chứa 01 túi nilon; 01 thẻ ATM mang tên NGUYEN VAN SON; 01 đĩa sứ màu trắng hình vuông, kích thước 15x15cm; 02 vỏ đầu lọc thuốc lá; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền 10.000 đồng; tịch thu, phát mại nộp vào ngân sách nhà nước 03 điện thoại di động: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0906.628.998 của bị cáo Nguyễn Đức T đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0935.583.227 của bị cáo Lâm Công T1 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0981.304.953 của bị cáo Nguyễn Văn S đã qua sử dụng (theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản và Phiếu nhập kho số NK2022/92 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án số 89/2022/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- PV06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện TN;
- Cơ quan THAHS huyện TN;
- TAND huyện TN;
- Sở Tư pháp TP;
- UBND xã DQ,
huyện TN, HP;
- Bị cáo,
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh PH1